TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2023/DS-ST
Ngày: 06 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 164/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng D. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng D: Ông D1, chức vụ: Chuyên viên P. Thu hồi nợ - Khối RB. Địa chỉ: tỉnh Bạc Liêu. (Là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 417/2023/UQ-D ngày 17/4/2023) (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng D do ông D1 là người đại diện hợp pháp trình bày:* Ông T đã thỏa thuận ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 04/7/2022 (sau đây gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng D để vay vốn. Số tiền vay: 33.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản

phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: 30%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã cấp hạn mức và thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, khoản vay của ông T đã quá hạn thanh toán từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay ông T vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Tổng nợ vay của ông T phát sinh từ Hợp đồng tạm tính đến ngày 10/3/2023 là 17.216.817 đồng (Trong đó nợ gốc là 14.424.000 đồng, nợ lãi là 992.817 đồng, nợ phí là 1.800.000 đồng).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/3/2023 là 17.216.817 đồng (Trong đó nợ gốc là 14.424.000 đồng, nợ lãi là 992.817 đồng, nợ phí là 1.800.000 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 11/3/2023 cho đến khi ông T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng; Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi có quyết định/bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, theo văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và Bản tóm tắt sao kê gửi cho Tòa án, ông D1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/7/2023 là 20.682.207 đồng (Trong đó nợ gốc là 13.525.000 đồng, nợ lãi là 3.397.246 đồng, nợ phí là 3.759.961 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 07/7/2023 cho đến khi ông T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng; Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi có Quyết định/Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Do không có điều kiện để đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông D1 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

** Bị đơn ông T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông D1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ kết quả xác minh xác định bị đơn ông T có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng D là ông D1 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Vào ngày 04/7/2022, ông T có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân (gọi tắt là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng) để vay vốn của Ngân hàng D. Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 33.000.000 đồng và đã thực hiện giải ngân cho ông T số tiền này, mục đích vay là mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhiều lần nhưng đến nay ông T vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/7/2023, ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 20.682.207 đồng (Trong đó nợ gốc là 13.525.000 đồng, nợ lãi là 3.397.246 đồng, nợ phí là 3.759.961 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình; các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng xuất trình về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, việc Ngân hàng yêu cầu buộc ông T trả lại toàn bộ số tiền nợ vay là 20.682.207 đồng nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Kể từ ngày 07/7/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay là 20.682.207 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông T phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền nợ vay phải trả cho Ngân hàng là 20.682.207 đồng x 5% = 1.034.110 đồng (làm tròn) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Buộc ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng D số tiền nợ vay tổng cộng là 20.682.207 đồng (*Hai mươi triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn hai trăm lẻ bảy đồng*), bao gồm: Nợ gốc là 13.525.000 đồng, nợ lãi là 3.397.246 đồng, nợ phí là 3.759.961 đồng.

Kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng D thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng D cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng D.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng D đã nộp (do ông D1 là người nộp thay) là 430.000đồng (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007091, ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.034.110 đồng (*Một triệu không trăm ba mươi bốn nghìn một trăm mười đồng*)

3. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt